

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/DS-PT  
Ngày 30 tháng 9 năm 2020  
“*V/v Tranh chấp phân chia di sản  
thừa kế theo di chúc*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà

*Các Thẩm phán:* Ông Vũ Văn Mạnh

Ông Nguyễn Vĩnh Thành

**- Thư ký phiên toà:** Bà Đoàn Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh  
Vinh Phúc

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vinh Phúc tham gia phiên tòa:** Ông  
PU1 Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vinh Phúc xét xử  
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2020/TLPT-DS ngày 23 tháng 3 năm 2020  
về việc “Tranh chấp phân chia di sản thừa kế theo di chúc”. Do bản án dân sự sơ  
thẩm số 20/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành  
phố V bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số  
49/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Khu X, phường L, thành phố V, tỉnh Vinh Phúc, (Vắng mặt).

*Người đại diện hợp pháp của bà H:* Ông Trần Văn T; địa chỉ: Số Y, đường  
N, phường L, thành phố V, tỉnh Vinh Phúc là đại diện theo ủy quyền (theo các văn  
bản ủy quyền ngày 20/10/2016; ngày 09/4/2018), (Có mặt).

*2. Bị đơn:* Bà Hoàng Thị P, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Khu Z, R, phường L, thành phố V, tỉnh Vinh Phúc, (Có mặt).

*Người đại diện hợp pháp của bà P:* Ông Lâm Quang A; địa chỉ: Số W  
đường U, thành phố V, tỉnh Vinh Phúc là đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy  
quyền ngày 15/5/2018), (Vắng mặt).

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Văn phòng Công chứng I; địa chỉ: Số E, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Nay là Văn Phòng Công chứng Đ; địa chỉ: Số F, quốc lộ K, khu phố O, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương (Theo Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng do Sở tư pháp tỉnh Bình Dương cấp ngày 20/8/2020)

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Đ - Trưởng Văn phòng là đại diện theo pháp luật, (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

3.2. Ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Chùa C, Ấp O, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương, (Vắng mặt).

*Người giám hộ cho ông Q:* Bà Lê Thị H (là vợ ông Q), sinh năm 1963; địa chỉ: Khu X, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (theo trích lục đăng ký giám hộ số 01/TLGH ngày 05/01/2018 do UBND phường B, thị xã D cấp)

*Người đại diện hợp pháp của người giám hộ:* Ông Trần Văn T; địa chỉ: Số Y, đường N, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc là đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 09/4/2018), (Có mặt).

4. *Người kháng cáo:* Bà Hoàng Thị P.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2015 và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị H và người đại diện theo ủy quyền của bà H là Ông Trần Văn T trình bày: Bà Lê Thị H có bố chồng là cụ Hoàng Văn G và mẹ chồng là cụ Trần Thị M. Bố mẹ chồng bà sinh được 02 người con là ông Hoàng Văn Q (chồng bà H) và bà Hoàng Thị P. Cụ Hoàng Văn G chết năm 1967, cụ Trần Thị M chết ngày 21/3/2013. Di sản của cụ Trần Thị M để lại là thửa đất số 94, tờ bản đồ số 51, diện tích 270,4m<sup>2</sup> tại Khu X, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BH 032241 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 12/12/2011 mang tên cụ Trần Thị M.

Trước khi chết, vào ngày 19/3/2012, cụ Trần Thị M có lập di chúc tại Văn phòng Công chứng I, có địa chỉ tại E, KB O, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Nội dung di chúc thể hiện: Sau khi cụ M qua đời, cụ M để lại tài sản là toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 94 tờ bản đồ số 51, địa chỉ thửa đất ở Khu X, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc có diện tích 270,4m<sup>2</sup>, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 032241 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 12/12/2011 mang tên cụ Trần Thị M cho bà Lê Thị H. Ngoài ra, cụ M không để lại di sản thừa kế nêu trên cho bất kỳ ai khác.

Hiện tại thửa đất nêu trên do bà Hoàng Thị P quản lý. Nguồn gốc thửa đất là của cụ M mua riêng sau khi cụ G chết khoảng hơn chục năm. Nay bà H đề nghị Tòa án công nhận di chúc lập ngày 19/3/2012 tại Văn phòng Công chứng I là hợp pháp và chia di sản thừa kế của cụ M theo nội dung di chúc của cụ M, đồng thời buộc bà P phải trả lại diện tích đất 270,4m<sup>2</sup> tại Khu X, phường L, thành phố V, tỉnh

Vĩnh Phúc. Ngoài ra, trên đất có một ngôi nhà đoàn kết do Hợp tác xã xây cho cụ M khi còn sống khoảng năm 2009 và có 02 gian nhà bếp do vợ chồng bà H xây năm 1995 cho cụ M và một số tài sản khác cũng như các cây cối trên đất bao gồm: 01 tường bao loan, 01 cổng đã cũ, 01 giếng nước, 18 cây chuối, 02 cây dâu, 02 cây mít, 02 cây xoan, 03 cây na, 01 cây xoài bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Hoàng Thị P do người đại diện theo ủy quyền là Ông Lâm Quang A trình bày: Bà P là con đẻ của cụ Hoàng Văn G và cụ Trần Thị M. Cụ G chết năm 1967, cụ M chết ngày 21/3/2013. Cụ M và cụ G sinh được 02 người con là ông Hoàng Văn Q và bà Hoàng Thị P. Khi cụ M chết có để lại tài sản là thửa đất số 94, tờ bản đồ số 51, có diện tích 270,4m<sup>2</sup>, địa chỉ Khu X, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Nguồn gốc thửa đất do cụ M mua của bà J ở phường L, thành phố V, mua sau khi cụ G chết được khoảng hơn chục năm và tạo dựng thửa đất đó. Hiện trên đất có một ngôi nhà tình nghĩa do Ủy ban nhân dân phường L, thành phố V xây cho cụ M khi còn sống khoảng năm 2009 và có 02 gian nhà bếp do vợ chồng ông Q, bà H xây năm 1995 cho cụ M và một số tài sản khác như bà H trình bày. Thửa đất này hiện nay do bà P đang quản lý.

Trước khi chết, ngày 26/4/2006 cụ M đã lập di chúc để lại cho bà P và ông Q được thừa kế thửa đất nêu trên, cụ thể: Ông Q được hưởng 3/4 thửa đất bằng 200m<sup>2</sup>, còn bà H được hưởng 1/4 thửa đất bằng 70m<sup>2</sup> có các chiều tiếp giáp cụ thể và có những người làm chứng. Đến ngày 16/6/2008, bản di chúc này được Ủy ban nhân dân phường L, thành phố V xác nhận. Cụ M sinh sống tại nhà và đất nêu trên đến năm 2011 thì vào tỉnh Bình Dương sống cùng vợ chồng ông Q, tháng 6/2012 thì bà P đón cụ M về thành phố V sinh sống. Đến ngày 21/3/2013 cụ M qua đời. Nay bà H xuất trình bản di chúc của cụ M để lại toàn bộ thửa đất số 94, tờ bản đồ số 51, địa chỉ thửa đất ở Khu X, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc có diện tích 270,4m<sup>2</sup> cho bà Lê Thị H là sai, vì cụ M già yếu lại không biết chữ nên không thể lập di chúc được. Tài sản của cụ M chết để lại ở thành phố V nên nơi lập di chúc phải là thành phố V là nơi có tài sản. Bản thân bà P cũng được cụ M lập di chúc cho và có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường L, thành phố V là nơi có thửa đất để lại. Hơn nữa, cụ M có 02 người con đẻ duy nhất là bà và ông Q, cụ và các con chưa bao giờ có xích mích với nhau, trong khi cụ M chỉ ở cùng vợ chồng bà H, ông Q khoảng 01 năm mà cụ lại để lại toàn bộ tài sản cho con dâu là bà H là không đúng. Nay bà H khởi kiện yêu cầu công nhận di chúc mà cụ M lập cho bà H là hợp pháp và đòi chia di sản thừa kế theo di chúc và buộc bà P phải trả lại thửa đất nêu trên bà P không đồng ý. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với một ngôi nhà tình nghĩa do Ủy ban nhân dân phường L, thành phố V xây cho cụ M khi còn sống khoảng năm 2009 và có 02 gian nhà bếp do vợ chồng ông Q, bà H xây năm 1995 cho cụ M và một số tài sản khác cũng như các cây cối trên đất bao gồm: 01 tường bao loan, 01 cổng đã cũ, 01 giếng, 18 cây chuối, 02 cây dâu, 02 cây mít, 02 cây xoan, 03 cây na, 01 cây xoài là của cụ M xây

dựng và trồng, không ai chăm sóc, cải tạo gì. Bản thân bà cũng không có công sức đóng góp, cải tạo, trông coi và trồng các cây cối này. Vì vậy, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Hoàng Văn Q do người giám hộ cho ông Q, bà Lê Thị H (vợ ông Q) ủy quyền cho Ông Trần Văn T trình bày: Bỏ để ông Hoàng Văn Q là cụ Hoàng Văn G chết năm 1967 và cụ Trần Thị M chết năm 2013, hai cụ sinh được hai người con là ông Hoàng Văn Q và bà Hoàng Thị P, khi còn sống cụ M đã tạo lập được khối tài sản như bà H, bà P đã xác nhận. Do ông Q bị Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, bà H là vợ ông Q là người giám hộ, bà H đề nghị Tòa án công nhận bản di chúc lập ngày 19/3/2012 tại Văn phòng Công chứng I, tỉnh Bình Dương do cụ Trần Thị M lập là hợp pháp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Văn phòng Công chứng I trình bày: Ngày 19/3/2012, Văn phòng Công chứng I đã chứng nhận bản di chúc của cụ Trần Thị M với nội dung đúng như văn bản công chứng số 002073 quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/3/2012. Tại thời điểm công chứng cụ Trần Thị M hoàn toàn minh mẫn, đủ năng lực hành vi dân sự. Trước đó, vào ngày 08/02/2012 sức khỏe tinh thần của cụ M được Bệnh viện đa khoa thị xã D, tỉnh Bình Dương chứng nhận đủ minh mẫn để lập di chúc. Cụ M hoàn toàn tự nguyện điền chỉ vào bản di chúc và điền chỉ vào bản di chúc trước mặt người làm chứng là bà Lê Thị Thanh T1, địa chỉ ở thôn X1, G1, L1, Lâm Đồng và trước mặt Công chứng viên Lê Văn H1. Cụ M tuyên bố dự thảo nội dung di chúc trước mặt Công chứng viên và người làm chứng. Trên cơ sở đó Công chứng viên chuyển dự thảo này cho nhân viên đánh máy, nhân viên đánh máy hoàn tất toàn bộ nội dung di chúc theo ý nguyện của cụ M, khi đó Công chứng viên đọc lại toàn bộ nội dung di chúc cho cụ M và người làm chứng nghe, nghe xong cụ M đồng ý với nội dung mà Công chứng viên đã đọc, đồng thời cụ M điền chỉ vào bản di chúc này trước sự chứng kiến của Công chứng viên và người làm chứng. Văn phòng Công chứng I xin vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử.

Người làm chứng, chị Lê Thị Thanh T1 trình bày: Chị không có quan hệ họ hàng, quen biết cụ Trần Thị M và bà Lê Thị H. Ngày 19/3/2012, chị có làm chứng cho việc cụ Trần Thị M lập di chúc để lại di sản thừa kế cho bà Lê Thị H. Việc lập di chúc đó tại Văn phòng Công chứng I, tỉnh Bình Dương, số 105B/14 Quốc lộ K, khu phố Nội Hóa 2, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Việc lập di chúc có mặt cụ Trần Thị M, Công chứng viên Lê Văn H1, một nhân viên Văn phòng công chứng (chị không biết tên) và chị. Tại Văn phòng Công chứng I cụ Trần Thị M tuyên bố là sau khi cụ M qua đời, cụ M để lại toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 94 tờ bản đồ số 51, địa chỉ thửa đất ở Khu X, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc có diện tích 270,4m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 032241 do Ủy

ban nhân dân thành phố V cấp ngày 12/12/2011 mang tên cụ Trần Thị M cho bà Lê Thị H, sinh năm 1963, trú tại Y1, khu A, khu phố O, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Ngoài ra, cụ M không để lại di sản thừa kế nêu trên cho ai khác. Khi tuyên bố nội dung di chúc cụ M rất minh mẫn. Vì thấy cụ M không biết chữ nên sau khi lập di chúc xong, Công chứng viên đọc nội dung di chúc cho cụ M nghe thì cụ M tự nguyện lặn tay điểm chỉ vào di chúc này. Chị và cụ M khi ký và điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt Công chứng viên. Nội dung bản di chúc đúng với nội dung mà cụ M tuyên bố.

Với nội dung trên, tại bản án số: 01/2017/DS-ST ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố V đã áp dụng các Điều 646, 648, 649, 652, 653, 657, 658, khoản 3 Điều 662 và khoản 5 Điều 667 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 37 của Luật công chứng năm 2006; các Điều 26, 147, khoản 2, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo di chúc của bà Lê Thị H, xử:

1. Công nhận di chúc do cụ Trần Thị M lập ngày 19/3/2012 tại Văn phòng Công chứng I, tỉnh Bình Dương, nội dung cho bà Lê Thị H được hưởng toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 94, tờ bản đồ số 51, diện tích 270,4m<sup>2</sup> ở Khu X, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 032241 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 12/12/2011 mang tên cụ Trần Thị M là hợp pháp.

2. Buộc bà Hoàng Thị P phải trả lại thửa đất số 94, tờ bản đồ số 51, diện tích 270,4m<sup>2</sup> ở Khu X, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 032241 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 12/12/2011 mang tên cụ Trần Thị M cho bà Lê Thị H. Thửa đất có các chiều, cạnh và kích thước như sau:

- Phía Đông giáp hộ bà Trần Thị O1, cạnh BC kích thước 12,28m;
- Phía Tây giáp đường ngõ, cạnh GH kích thước 1,06m; cạnh HI kích thước 4,34m;
- Phía Nam giáp đường ngõ, cạnh CD kích thước 15,27m; cạnh DE kích thước 4,45m; cạnh EF kích thước 3,76m; cạnh FG kích thước 1,75m;
- Phía Bắc giáp hộ bà Trần Thị O1, cạnh AB kích thước 10,12m và hộ bà Hoàng Thị A1 cạnh IK kích thước 1,02m; cạnh KM kích thước 16,75m; cạnh MA kích thước 6,37m (có sơ đồ thửa đất kèm theo).

3. Tạm giao cho bà Lê Thị H quản lý các tài sản và cây cối lâm lộc trên đất bao gồm: 01 nhà cấp 4, 01 bếp, 01 tường bao loan, 01 cổng, 01 giếng, 18 cây chuối, 02 cây dâu, 02 cây mít, 02 cây xoan, 03 cây na, 01 cây xoài.

Bản án còn giải quyết về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/4/2017, bị đơn bà Hoàng Thị P kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị không công nhận bản di chúc cụ Trần Thị M lập ngày 19/02/2013; đề nghị hủy bản án số: 01/2017/DS-ST ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố V

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 06/2018/DS- PT ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố V và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại Bản án số 20/2019/DS-ST ngày 27/11/2019, Tòa án nhân dân thành phố V đã áp dụng các Điều 26 và 147, khoản 2, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 646, 648, 649, 652, 653, 657, 658 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 46, 53, 57, 58, 59, 644 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 37 Luật công chứng năm 2006; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo di chúc của bà Lê Thị H, xử: Công nhận một phần di chúc do cụ Trần Thị M lập ngày 19/3/2012 tại Văn phòng Công chứng I, tỉnh Bình Dương, chia cho bà Lê Thị H được hưởng 180,26m<sup>2</sup> đất trong thửa số 94, tờ bản đồ số 51, tại Khu X, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc cụ thể các chiều cạnh như sau:

- Phía giáp đường vào hộ bà Trần Thị O1, cạnh BC kích thước 12,28m;
- Phía giáp phần đất giao cho ông Hoàng Văn Q (do bà H là người giám hộ), cạnh K'D' kích thước 8,91m;
- Phía giáp đường ngõ, cạnh CD' kích thước 14,29m;
- Phía hộ bà Trần Thị O1, cạnh AB kích thước 10,12m và hộ bà Hoàng Thị A1 cạnh MA kích thước 6,37m, cạnh K'M kích thước 5,59m (có sơ đồ thửa đất kèm theo).

2. Chia cho ông Hoàng Văn Q (do bà Lê Thị H là người giám hộ) được hưởng 90,13m<sup>2</sup> đất trong thửa số 94 tờ bản đồ số 51, tại Khu X, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc và giao cho bà H là người giám hộ của ông Q quản lý phần diện tích đất trên cụ thể các chiều cạnh sau:

- Phía giáp phần đất giao cho bà Lê Thị H, cạnh K'D' kích thước 8,91m;
- Phía giáp đường ngõ, cạnh D'D kích thước 0,98m; cạnh DE kích thước 4,45m; cạnh EF kích thước 3,76m; cạnh FG kích thước 1,75m; cạnh GH kích thước 1,06m; cạnh HI kích thước 4,34m; (có sơ đồ thửa đất kèm theo).

Giao cho bà Lê Thị H và ông Hoàng Văn Q (do bà H là người giám hộ của ông Q) quản lý và sử dụng tài sản, cây cối lâm lộc trên đất được giao.

3. Buộc bà Hoàng Thị P phải trả lại cho bà Lê Thị H và ông Hoàng Văn Q (do bà H là người giám hộ) thửa đất số 94, tờ bản đồ số 51, diện tích 270.4m<sup>2</sup> tại Khu X, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 032241 do UBND thành phố V cấp ngày 12/12/2011 mang tên cụ Trần Thị M.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 17/12/2019, bị đơn bà Hoàng Thị P có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do chưa làm rõ có hay không sự giả mạo chữ ký của người làm chứng trong Di chúc của cụ M lập ngày 19/3/2012; căn cứ chứng minh cụ M còn minh mẫn khi lập di chúc ngày 19/3/2012; không áp dụng Án lệ số 05/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để ghi nhận công sức của bà P trong việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự đã được thực hiện các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án số 20/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Hoàng Thị P là hợp lệ theo Quyết định chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 01/QĐ-PT ngày 05/02/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Cụ Trần Thị M và cụ Hoàng Văn G kết hôn và sinh được 02 người con gồm ông Hoàng Văn Q và bà Hoàng Thị P. Năm 1967 cụ G chết. Khoảng hơn 10 năm sau khi cụ G chết thì cụ M nhận chuyển nhượng của cụ Cầm ở phường L,

thành phố V thừa đất số 94, tờ bản đồ số 51, diện tích 270,4m<sup>2</sup> tại Khu X, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 12/12/2011, cụ M đã được UBND thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu BH 032241, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH 00985. Ngày 21/3/2013, cụ M chết. Di sản của cụ M để lại là thửa đất số 94, tờ bản đồ số 51, diện tích 270,4m<sup>2</sup> ở Khu X, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BH 032241 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 12/12/2011 mang tên cụ Trần Thị M. Trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 (nhà tình nghĩa) do UBND phường L, thành phố V xây cho cụ M khoảng năm 2009; 02 gian công trình phụ do vợ chồng bà H xây khoảng năm 1995 cùng cây cối lâm lộc trên thửa đất.

[2.2] Cụ Trần Thị M là người không biết chữ. Trước khi chết, cụ Trần Thị M có lập 02 bản di chúc, cụ thể:

Ngày 26/4/2006 cụ M đọc nội dung và nhờ bà Nguyễn Thị F1 ghi hộ di chúc, có sự chứng kiến của ông Nguyễn Đức U1, ông Phạm Nhi N1. Ngày 16/6/2008 có xác nhận của UBND phường L về việc định đoạt thửa đất cụ M đang ở tại Khu X, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc có diện tích 270m<sup>2</sup>.

Ngày 19/3/2012 cụ M tiếp tục lập bản Di chúc tại Văn phòng Công chứng I, địa chỉ tại E, KP O, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương về việc định đoạt thửa đất số 94, tờ bản đồ số 51, diện tích 270,4m<sup>2</sup> tại Khu X, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc có sự chứng kiến của chị Lê Thị Thanh T1 và Công chứng viên Lê Văn H1.

[2.3] Xét tính hợp pháp của Di chúc do cụ Trần Thị M lập lần thứ nhất ngày 26/4/2006, được UBND phường L xác nhận ngày 16/6/2008:

Di chúc thể hiện nội dung: Tên tôi là Trần Thị M, hiện nay tôi đã già và yếu nên không biết sống chết lúc nào, để cho các con tôi sau này không có sự va chạm và tranh chấp với nhau. Hiện tại lô đất tôi đang ở có diện tích 270m<sup>2</sup> (tại Khu X, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc) tôi chia ra như sau: Con trai tôi là Hoàng Văn Q được hưởng  $\frac{3}{4}$  lô đất bằng 200m<sup>2</sup>; con gái tôi là Hoàng Thị P được hưởng  $\frac{1}{4}$  lô đất bằng 70m<sup>2</sup>. Tôi cho con gái tôi ở phần mặt bằng đằng sau giáp nhà ông K1, bên cạnh giáp công đi nhà ông K2, đằng trước giáp đường đi liên xóm. Tôi viết di chúc này để lại sau khi tôi mất để làm bằng chứng cho các con tôi sau này. Vậy nhờ chính quyền địa phương thực hiện theo di chúc của tôi. Lúc này tôi vẫn còn minh mẫn và đọc cho chị Nguyễn Thị F1 cùng sống tại Khu X viết lại hộ tôi bản di chúc này vì tôi không biết chữ.

Di chúc được lập ngày 26/4/2006. Phía dưới di chúc thể hiện về việc cam kết của người viết hộ bà Nguyễn Thị F1 chứng nhận những lời cụ M đọc cho bà F1 viết là đúng sự thực, không ghi thêm, bớt gì. Đồng thời thể hiện có người chứng



kiến về việc cụ M đọc cho bà F1 viết di chúc là đúng của ông Nguyễn Đức U1 và ông Phạm Như N2. Di chúc có điểm chỉ của người lập di chúc là cụ M.

Bản di chúc trên thể hiện được UBND phường L xác nhận nội dung: Bản di chúc của bà Trần Thị M được lập tại phường L. Điểm chỉ xác nhận tại trụ sở UBND phường L ngày 13/6/2008. Có chữ ký của cán bộ tư pháp là ông Nguyễn Trung T2 và có xác nhận của ông Trần Đình T2 – Phó Chủ tịch UBND phường ngày 16/6/2008.

Do cụ M là người không biết chữ, nên căn cứ theo khoản 3 Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2005 (khoản 3 Điều 630 Bộ luật Dân sự năm 2015) quy định: Di chúc hợp pháp của người không biết chữ phải được người làm chứng lập thành văn bản và có công chứng hoặc chứng thực.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu đương sự cung cấp bản di chúc gốc, đồng thời không lấy lời khai của người viết hộ di chúc là bà Nguyễn Thị F1, người chứng kiến cụ M lập di chúc là ông Nguyễn Đức U1, ông Phạm Như N2, xác minh làm rõ về việc xác nhận của UBND phường L vào bản di chúc cũng như việc lưu giữ bản di chúc trên trên để xem xét về ý chí của cụ M khi lập di chúc, về tính hợp pháp của bản di chúc, từ đó cấp sơ thẩm đã nhận định bản di chúc do cụ M lập không đúng thủ tục và không tuân theo quy định tại khoản 1 Điều 658 BLDS năm 2005 (quy định về thủ tục lập di chúc tại cơ quan công chứng hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn) là chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để đánh giá tính hợp pháp của bản di chúc, đồng thời áp dụng chưa đúng quy định của pháp luật đối với việc lập di chúc của cụ M.

[2. 4] Xét tính hợp pháp của Di chúc do cụ Trần Thị M lập ngày 19/3/2012 tại Văn phòng Công chứng I (nay là Văn Phòng Công chứng Đ):

Theo Di chúc trên có nội dung: Tại Văn phòng Công chứng I, tôi ký tên dưới đây là bà Nguyễn Thị M... trong trạng thái tinh thần minh mẫn, sáng suốt theo Giấy khám sức khỏe do Bệnh viện Đa khoa thị xã D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 08/02/2012, tôi lập di chúc này để lại tài sản là toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 94, tờ bản đồ số 51, địa chỉ thửa đất tại Khu X, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc có diện tích là 270m<sup>2</sup>... để lại cho bà Lê Thị H .... Ngoài ra không để lại di sản thừa kế nêu trên cho bất kỳ ai. Để làm chứng cho việc lập di chúc, tôi có mời người làm chứng là bà Lê Thị Thanh T1... Người làm chứng trên là do tôi mời đến ... Tôi đã được nghe công chứng viên đọc lại nội dung di chúc này và xác định di chúc đã được ghi chép chính xác, thể hiện đúng theo ý chí và nguyện vọng của tôi, tôi đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong di chúc và ký tên, điểm chỉ vào di chúc này trước sự có mặt của Công chứng viên.

Phía dưới nội dung lập di chúc có điểm chỉ của cụ M và thể hiện người làm chứng Lê Thị Thanh T1 chứng kiến công chứng viên đọc lại nội dung di chúc cho cụ Trần Thị M nghe, đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong di chúc và điểm chỉ vào di chúc (Bút lục 316-317) .

Tuy nhiên, theo hồ sơ đề nghị công chứng đối với di chúc của cụ M thể hiện: Đối với Phiếu khám sức khỏe ngày 08/02/2012 – là tài liệu Văn phòng Công chứng I căn cứ để xác định tình trạng sức khỏe, trạng thái tinh thần minh mẫn, sáng suốt của cụ M, thì Phiếu khám sức khỏe trên thể hiện đơn vị ban hành là Trung tâm Giám định Y khoa Pháp Y – Sở Y tế Bình Dương và có đóng dấu treo là Bệnh viện Đa khoa thị xã D, nhưng phía dưới thể hiện Bác sỹ Kết luận thuộc Khoa Khám bệnh – Hồi sức cấp cứu của Bệnh viện Đa khoa thị xã D; đồng thời có chữ ký của Giám đốc và đóng dấu của Bệnh viện Đa khoa thị xã D (Bút lục 308). Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ đối với Bệnh viện Đa khoa thị xã D hay Trung tâm Giám định Y khoa Pháp Y hoặc Sở Y tế đối với việc mâu thuẫn trong việc ban hành Phiếu khám sức khỏe cho cụ M nêu trên để từ đó làm cơ sở đánh giá tính khách quan của Phiếu khám sức khỏe cho cụ M.

Ngoài ra, đối với chị Lê Thị Thanh T1 là người làm chứng trong khi cụ M lập di chúc tại Văn phòng Công chứng I thể hiện có sự mâu thuẫn như: Tại Di chúc lập ngày 19/3/2012 thể hiện người làm chứng chị Lê Thị Thanh T1 do cụ M mời đến (Bút lục 316; 317); tại biên bản lấy lời khai ngày 06/5/2016 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L1, tỉnh Lâm Đồng, chị Lê Thị Thanh T1 lại trình bày chị làm chứng cho việc cụ M lập di chúc tại Văn phòng Công chứng I là do ngày 19/3/2012 chị đến Văn phòng Công chứng I cùng bạn tên U1 (không nhớ rõ họ và địa chỉ của anh U1) làm môi giới đất đai để công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chị đã chứng kiến cụ M tuyên bố nội dung di chúc để Văn phòng công chứng ghi lại, sau đó Công chứng viên đọc lại nội dung di chúc cho cụ M nghe, cụ M tự nguyện lăn tã vào di chúc, chị ký và điểm chỉ vào di chúc (Bút lục 94). Tại biên bản xác minh ngày 10/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại Văn phòng Công chứng I thì Văn phòng Công chứng I cung cấp: Chị Lê Thị Thanh T1 – người làm chứng trong di chúc ngày 19/3/2012 do cụ M lập tại Văn phòng Công chứng I là Kế toán làm việc tại Văn phòng Công chứng I vào năm 2012. Do cụ M, bà H không mời được người làm chứng nên Văn phòng đã chỉ định cô Tâm làm chứng cho cụ M và bà H (Bút lục 220).

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đề nghị xác định tính khách quan của người làm chứng là chị Lê Thị Thanh T1 đối với di chúc của cụ M lập ngày 19/3/2012 do có những mâu thuẫn nêu trên, đồng thời nhìn mắt thường thấy rằng chữ viết và chữ ký của chị T1 trong các bản di chúc lập tại Văn phòng Công chứng

I so với chữ ký và chữ viết của chị T1 trong Biên bản lấy lời khai ngày 06/5/2016 không giống nhau. Vì vậy, để đánh giá tính khách quan của người làm chứng trong việc lập di chúc của cụ M, từ đó làm căn cứ xác định tính hợp pháp của di chúc được lập ngày 19/3/2012 và làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án, xét thấy việc đề nghị giám định chữ ký, chữ viết của chị T1 trong di chúc lập ngày 19/3/2012 với chữ ký, chữ viết của chị T1 trong biên bản lấy lời khai ngày 06/5/2016 theo đề nghị của bị đơn là cần thiết.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cũng đồng ý đề nghị giám định chữ ký, chữ viết của chị T1 theo quan điểm của bị đơn và cung cấp bản di chúc ngày 19/3/2012 có chữ ký gốc của chị T1 cho Tòa án để làm tài liệu cho việc trung cầu giám định. Do có những vi phạm và tình tiết mới nêu trên, mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể khắc phục, bổ sung được và để bảo đảm quyền kháng cáo của đương sự cần hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm sẽ xem xét khi giải quyết lại vụ án; án phí dân sự phúc thẩm bà Hoàng Thị P không phải chịu nên được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Hủy Bản dân sự án số: 20/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố V và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hoàng Thị P không phải chịu nên được trả lại tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0008472 ngày 08/01/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND thành phố V;
- VKSND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đã ký**

**Nguyễn Thị Thu Hà**